

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-04-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính;
Ông Võ Văn Chanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Ông Võ Đăng Kh, sinh năm 1973 (xin vắng).

- Bị đơn: Bà Trần Thanh H, sinh năm: 1981 (xin vắng).

Cùng địa chỉ: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ Đăng Kh trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Ông Kh và bà Trần Thanh H quen nhau năm 2001, đến năm 2002 được cha mẹ tổ chức đám cưới, đến năm 2008 mới đăng ký kết hôn tại thị trấn R, huyện Ng, tỉnh Cà Mau.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, từ năm 2008 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, được gia đình khuyên ngăn nên vẫn tiếp tục duy trì, năm 2010 sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân mâu thuẫn càng gay gắt, cự cãi nhiều lần đánh nhau. Nay không còn tình cảm nên xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Võ Khánh D, sinh ngày 16/4/2003 (nam) và Võ Khánh T, sinh ngày 11/10/2008 (nam); từ khi vợ chồng sống ly thân các cháu sống chung với cha, khi ly hôn D đã trưởng thành không đặt ra yêu cầu, cháu T thì xét nguyện vọng cháu, không đặt ra cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và xin vắng ngày 31/3/2023, bị đơn bà Trần Thanh H trình bày:

Bà H có nhận được các thông báo của Tòa án, biết việc ông Kh xin ly hôn, bà có ý kiến: Năm 2002, bà H và ông Kh cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại thị trấn R, huyện Ng, tỉnh Cà Mau. Do bất đồng quan điểm, năm 2010 vợ chồng sống ly thân, trong thời gian sống ly thân cũng không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là Võ Khánh D, sinh ngày 16/4/2003 (nam) và Võ Khánh T, sinh ngày 11/10/2008 (nam), hiện các cháu sống chung với cha, khi ly hôn cháu D đã lớn nên không yêu cầu xét, cháu T sẽ tiếp tục sống với cha, không cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ: Không có.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Võ Đăng Kh, bị đơn bà Trần Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Về nội dung vụ án

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Đăng Kh và bà Trần Thanh H kết hôn năm 2002, đến năm 2008 ông bà mới đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn R), huyện Ng, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyền số 01/2008, ngày 13 tháng 11 năm 2008 của UBND xã T, huyện Ng, tỉnh Cà Mau, vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm đăng ký.

Quá trình chung sống với nhau ông bà có những bất hòa không tự hàn gắn được, nguyên nhân chủ yếu ông bà không có tiếng nói chung, kéo dài nhiều năm, ông bà sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân cũng không giải quyết được mâu thuẫn, ông Kh xin ly hôn bà H đồng ý. Thấy rằng, ông bà sống ly thân nhiều năm, ai lo thân người đó, không quan tâm chăm

sóc nhau kéo dài làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên, nên chấp nhận yêu cầu của ông Kh cho ông Kh được ly hôn với bà H.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là cháu Võ Khánh D, sinh ngày 16/4/2003 (nam) và Võ Khánh T, sinh ngày 11/10/2008 (nam). Khi ly hôn cháu D đã trưởng thành không yêu cầu xem xét, cháu T xét nguyện vọng cháu muốn sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án làm việc trực tiếp với cháu T, cháu có nguyện vọng sống chung với cha nếu cha mẹ các cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu T cho ông Kh tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra yêu cầu. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được khấu trừ, án phí nguyên đơn đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đăng Kh về việc xin ly hôn với bà Trần Thanh H.

Cho ông Võ Đăng Kh được ly hôn với bà Trần Thanh H

- Về con chung: Giao cháu Võ Khánh T, sinh ngày 11/10/2008 (nam) cho ông Kh tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015808 ngày 19 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí hôn nhân nguyên đơn đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- UBND TT R, huyện Ng, tỉnh Cà Mau (CQ thực hiện đăng ký kết hôn);
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính